

BÀI 15: CÁC MỎ KHOÁNG SẢN

1. Các loại khoáng sản.

a. Khoáng sản.

- Khoáng sản là:

- Mỏ khoáng sản là:

b. Phân loại khoáng sản.

Dựa vào tính chất và công dụng, các loại khoáng sản có thể phân ra ba loại như sau:

+ Khoáng sản: than, dầu mỏ, khí đốt....

+ Khoáng sản: sắt, mangan, đồng, chì, kẽm...

+ Khoáng sản: muối mỏ, apatit, đá vôi...

2. Các mỏ khoáng sản nội sinh và ngoại sinh.

- Mỏ khoáng sản nội sinh là:

- Mỏ khoáng sản ngoại sinh là:

* Vấn đề khai thác và sử dụng khoáng sản:

- Khai thác hợp lý.

- Sử dụng tiết kiệm và hiệu quả.

CÂU HỎI CÙNG CỘ

Câu 1: Đọc kĩ bài 15 trong sách giáo khoa và điền vào chỗ chấm chấm chấm (.....) để hoàn chỉnh nội dung bài?

Câu 2: Hãy sắp xếp các loại khoáng sản sau: **Than đá, dầu mỏ, sắt, đồng, chì, kẽm, muối mỏ, apatit, than bùn, khí đốt, bôxít, vàng, kim cương, đá vôi** vào bảng dưới đây sao cho đúng:

Loại khoáng sản	Tên khoáng sản
Năng lượng (nhiên liệu)	
Kim loại đen	
Kim loại màu	
Phi kim loại	

BÀI 16: THỰC HÀNH:

ĐỌC BẢN ĐỒ (HOẶC LƯỢC ĐỒ) ĐỊA HÌNH TỈ LỆ LỚN

Dựa vào các kiến thức đã học, em hãy hoàn thành bài thực hành trong sách giáo khoa trang 51 theo nội dung sau:

Bài tập 1:

- Đường đồng mức là

- Dựa vào các đường đồng mức trên bản đồ, chúng ta có thể biết được hình dạng của địa hình vì:

Bài tập 2:

- Hướng từ đỉnh núi A1 đến đỉnh núi A2 là hướng từ

- Sự chênh lệch về độ cao của hai đường đồng mức trên lược đồ là

- Độ cao của các đỉnh núi là:

+ Đỉnh núi A1 là

+ Đỉnh núi A2 là

+ Đỉnh núi B1 là

+ Đỉnh núi B2 là

+ Đỉnh núi B3 là trên

- Khoảng cách theo đường chim bay từ đỉnh A1 -> A2 là

- Sườn của đỉnh núi A1 dốc hơn sườn

BÀI 17: LỚP VỎ KHÍ

1. Thành phần của không khí.

- Thành phần của không khí gồm:
 - + Khí Nitơ chiếm
 - + Khí Ôxi chiếm
 - + Hơi nước và các khí khác chiếm
- Lượng hơi nước tuy chiếm tỉ lệ hết sức nhỏ, nhưng lại là nguồn gốc sinh ra các hiện tượng như mây, mưa....

2. Cấu tạo của lớp vỏ khí (khí quyển).

- Lớp vỏ khí (khí quyển) là

* Các tầng khí quyển:

- Tầng đối lưu:

- + Nằm sát mặt đất, có độ cao khoảng và tập trung 90% không khí.
- + Không khí chuyển động theo chiều
- + Nhiệt độ giảm dần khi lên cao: Trung bình cứ lên cao 100m thì nhiệt độ giảm
- + Là nơi sinh ra các hiện tượng khí tượng.

- Tầng bình lưu:

- + Nằm trên tầng đối lưu, độ cao từ
- + Có lớp ôdôn, lớp này có tác dụng ngăn cản những tia bức xạ có hại cho sinh vật và con người.

- Tầng cao của khí quyển: Các tầng cao nằm trên tầng, không khí của tầng này cực loãng.

3. Các khối khí.

- Khối khí nóng: Hình thành trên các vùng vĩ độ thấp, có nhiệt độ tương đối cao.
- Khối khí lạnh:
.....
- Khối khí đại dương:
.....
- Khối khí lục địa:
.....

CÂU HỎI Củng Cố

Câu 1: Đọc kĩ bài 17 trong sách giáo khoa và điền vào chỗ chấm chấm chấm (.....) để hoàn chỉnh nội dung bài?

Câu 2: Em hãy cho biết lớp ôdôn ở tầng nào của khí quyển và cách mặt đất khoảng bao nhiêu km?

Câu 3: Tác dụng của lớp ôdôn đối với sinh vật và sức khỏe con người trên Trái Đất?



BÀI 18: THỜI TIẾT, KHÍ HẬU VÀ NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ

1. Thời tiết và khí hậu.

- Thời tiết là

- Khí hậu của một nơi là

2. Nhiệt độ không khí và cách đo nhiệt độ không khí.

a. Nhiệt độ không khí.

- Độ nóng, lạnh của không khí gọi là nhiệt độ không khí.

b. Cách đo nhiệt độ không khí.

- Dụng cụ đo:

- Cách đo:

* Cách tính nhiệt độ trung bình ngày, tháng, năm.

- Nhiệt độ trung bình ngày: Đo 3 lần lúc 5h, 13h, 21h.

VD: Một ngày ở Hà Nội, người ta đo nhiệt độ lúc 5 giờ được 20°C , lúc 13 giờ được 24°C và lúc 21 giờ được 22°C . Hỏi nhiệt độ trung bình của Hà Nội ngày hôm đó là bao nhiêu?

Lời giải: Nhiệt độ trung bình ngày của Hà Nội là $(20 + 24 + 22) : 3$

- Nhiệt độ trung bình tháng: Tổng nhiệt độ các ngày trong tháng chia cho số ngày.

- Nhiệt độ trung bình năm: Tổng nhiệt độ các tháng chia cho 12.

3. Sự thay đổi nhiệt độ của không khí.

Các nhân tố ảnh hưởng đến sự thay đổi của nhiệt độ không khí:

a. Nhiệt độ không khí thay đổi tùy theo vị trí xa hay gần biển.

Nhiệt độ không khí ở những miền nằm gần biển và những miền nằm sâu trong lục địa có sự khác nhau.

b. Nhiệt độ không khí thay đổi theo độ cao.

Trong tầng đối lưu, càng lên cao nhiệt độ không khí càng giảm.

c. Nhiệt độ không khí thay đổi theo vĩ độ.

Không khí ở vùng vĩ độ thấp nóng hơn không khí ở vùng vĩ độ cao.

CÂU HỎI CÙNG CỘ

Câu 1: Đọc kĩ bài 18 trong sách giáo khoa và điền vào chỗ chấm chấm chấm (.....) để hoàn chỉnh nội dung bài?

Câu 2: Em hãy kể tên một số hiện tượng thời tiết chủ yếu xảy ra ở tầng đối lưu?

Câu 3: Dựa vào bảng số liệu dưới đây, em hãy tính nhiệt độ trung bình năm của Hà Nội, Nha Trang, Đà Lạt:

BÀI 19: KHÍ ÁP VÀ GIÓ TRÊN TRÁI ĐẤT

1. Khí áp. Các đai khí áp trên Trái Đất.

- Khí áp là
- + Dụng cụ đo:
- + Đơn vị đo:
- Khí áp được phân bố trên Trái Đất thành các đai khí áp thấp và khí áp cao từ xích đạo về 2 cực.
- + Các đai khí áp thấp nằm khoảng vĩ độ 0^0 và khoảng vĩ độ 60^0 Bắc và Nam.
- + Các đai khí áp cao nằm khoảng vĩ độ 30^0 và khoảng vĩ độ 90^0 Bắc và Nam (Cực Bắc và cực Nam).

2. Gió và các hoàn lưu khí quyển.

a. Gió.

- Gió là

* Các loại gió thường xuyên thổi trên Trái Đất:

- Gió Tín phong:

- + Thổi từ khoảng các vĩ độ 30^0 Bắc, Nam (Các đai áp cao chí tuyến) về xích đạo (Đai áp thấp xích đạo).

- + Hướng gió: Nửa cầu Bắc hướng Đông Bắc; nửa cầu Nam hướng Đông Nam.

- Gió Tây ôn đới:

- + Thổi từ khoảng các vĩ độ 30^0 Bắc, Nam (Các đai áp cao chí tuyến) lên khoảng vĩ độ 60^0 Bắc, Nam (Đai áp thấp ôn đới).

- + Hướng gió: Nửa cầu Bắc hướng Tây Nam; nửa cầu Nam hướng Tây Bắc.

- Gió Đông cực:

- + Thổi từ khoảng các vĩ độ 90^0 Bắc, Nam (Cực Bắc, Nam) về khoảng vĩ độ 60^0 Bắc, Nam (Đai áp thấp ôn đới).

- + Hướng gió: Nửa cầu Bắc hướng Đông Bắc; nửa cầu Nam hướng Đông Nam.

b. Hoàn lưu khí quyển.

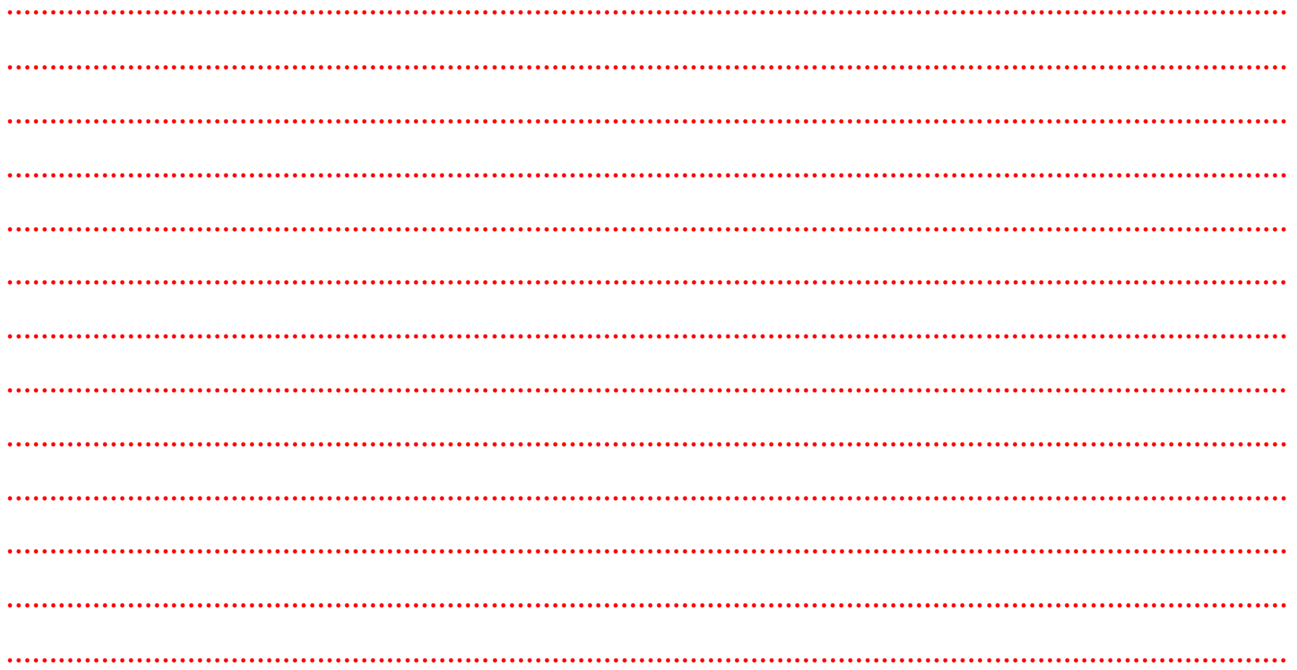
Trên bề mặt Trái Đất, sự chuyển động của không khí giữa các đai khí áp cao và thấp tạo thành các hệ thống gió thổi vòng tròn gọi là hoàn lưu khí quyển.

CÂU HỎI CÙNG CỘ

Câu 1: Đọc kĩ bài 19 trong sách giáo khoa và điền vào chỗ chấm chấm chấm (.....) để hoàn chỉnh nội dung bài?

Câu 2: Hãy vẽ hình tròn tượng trưng cho Trái Đất, trên đó hãy xác định các đai khí áp cao, khí áp thấp và các loại gió Tín phong, gió Tây ôn đới.

.....
.....



BÀI 20: HƠI NƯỚC TRONG KHÔNG KHÍ. MƯA

1. Hơi nước và độ ẩm của không khí.

a. Độ ẩm của không khí.

Không khí bao giờ cũng chứa một lượng hơi nước nhất định, lượng hơi nước đó làm cho không khí có độ ẩm.

b. Mỗi quan hệ giữa nhiệt độ không khí và độ ẩm.

Nhiệt độ có ảnh hưởng đến khả năng chứa hơi nước của không khí. Nhiệt độ không khí càng lên cao, lượng hơi nước chứa được càng nhiều (độ ẩm càng cao).

2. Mưa và sự phân bố lượng mưa trên Trái Đất.

* Quá trình tạo thành mây, mưa: Khi không khí bốc lên cao,
.....,
tạo thành mây.
.....,
rồi rơi xuống đất thành mưa.

a. Tính lượng mưa trung bình của một địa phương.

- Dụng cụ đo:

- Tính lượng mưa trong tháng: Cộng tất cả lượng mưa các ngày trong tháng.

- Tính lượng mưa trong năm: Cộng toàn bộ lượng mưa trong cả 12 tháng lại.

b. Sự phân bố lượng mưa trên thế giới.

Trên Trái Đất, lượng mưa phân bố không đồng đều từ xích đạo về cực: Mưa nhiều nhất ở vùng xích đạo, mưa ít nhất là 2 vùng cực Bắc và cực Nam.

CÂU HỎI CÙNG CẤP

Câu 1: Đọc kĩ bài 20 trong sách giáo khoa và điền vào chỗ chấm chấm chấm (.....) để hoàn chỉnh nội dung bài?

Câu 2: Làm bài tập 1 trong sách giáo khoa trang 63.

This image shows a full page of primary-ruled notebook paper. It features ten sets of horizontal lines across the page. Each set consists of a solid blue top line, a dashed blue middle line, and a solid blue bottom line, providing a guide for letter height and placement. The background is white, and there are no margins or additional markings.

BÀI 21: THỰC HÀNH:
PHÂN TÍCH BIỂU ĐỒ NHIỆT ĐỘ, LƯỢNG MƯA

Dựa vào các kiến thức đã học, em hãy hoàn thành bài thực hành trong sách giáo khoa trang 65 theo nội dung sau:

Bài tập 1:

- Yếu tố thể hiện trên biểu đồ làvà trong
- Yếu tố được biểu hiện theo đường là
- Yếu tố được biểu hiện theo hình cột là
- Trục dọc bên phải dùng để đo tính đại lượng:
- Trục dọc bên trái dùng để đo tính đại lượng:
- Đơn vị tính nhiệt độ là:.....
- Đơn vị tính lượng mưa là:

Bài tập 2 và 3 (không làm).

Bài tập 4:

Nhiệt độ và lượng mưa	Biểu đồ của địa điểm A	Biểu đồ của địa điểm B
Tháng có nhiệt độ cao nhất là tháng mấy? Bao nhiêu?		
Tháng có nhiệt độ thấp nhất là tháng mấy? Bao nhiêu?		
Những tháng có mưa nhiều (mùa mưa) bắt đầu từ tháng mấy đến tháng mấy?		

Bài tập 5:

Biểu đồ của địa điểm A thuộc nửa cầu

Biểu đồ của địa điểm B thuộc nửa cầu

BÀI 22: CÁC ĐỐI KHÍ HẬU TRÊN TRÁI ĐẤT

1. Các chí tuyến và các vòng cực trên Trái Đất.

- Các chí tuyến là

Trên Trái Đất có đường chí tuyến là và

- Các vòng cực là

Trên Trái Đất có vòng cực là và

- Các vòng cực và chí tuyến là ranh giới phân chia

2. Sự phân chia bề mặt Trái Đất ra các đới khí hậu theo vĩ độ.

- Trên Trái Đất có 5 vòng đai nhiệt tương ứng với đới khí hậu là đới nóng, đới ôn hoà và đới lạnh.

a. Đới nóng (Nhiệt đới):

- *Giới hạn*: từ chí tuyến Bắc đến chí tuyến Nam.

- *Đặc điểm*:

+ Quanh năm có góc chiếu ánh sáng Mặt Trời lúc giữa trưa tương đối lớn và thời gian chiếu trong năm chênh lệch nhau ít. Lượng nhiệt hấp thụ tương đối nhiều nên quanh năm nóng.

+ Gió thổi thường xuyên:

+ Lượng mưa trung bình:

b. Hai đới ôn hòa (Ôn đới):

- *Giới hạn*: từ chí tuyến Bắc, Nam đến vòng cực Bắc, Nam.

- *Đặc điểm*:

+ Lượng nhiệt nhận được trung bình, các mùa thể hiện rõ rệt trong năm.

+ Gió thổi thường xuyên:

+ Lượng mưa trung bình:

c. Hai đới lạnh (Hàn đới):

- *Giới hạn*: từ 2 vòng cực Bắc, Nam đến 2 cực Bắc, Nam.

- *Đặc điểm*:

+ Khí hậu giá lạnh, có băng tuyết hầu như quanh năm.

+ Gió thổi thường xuyên:

+ Lượng mưa trung bình:

CÂU HỎI CÙNG CỘ

Câu 1: Đọc kĩ bài 22 trong sách giáo khoa và điền vào chỗ chấm chấm chấm (.....) để hoàn chỉnh nội dung bài?

[illegible]

ÔN TẬP

A. Lý thuyết.

Hãy trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1: Thời tiết và khí hậu khác nhau ở điểm nào?

Câu 2: Cách tính nhiệt độ trung bình tháng và nhiệt độ TB năm?

Câu 3: Khí áp là gì? Nguyên nhân nào sinh ra khí áp?

Câu 4: Nhiệt độ là gì? Nêu cách tính nhiệt độ trung bình ngày, tháng và năm?

Câu 5: Đặc điểm của 5 đới khí hậu trên Trái Đất?

Câu 6: Gió được sinh ra từ đâu? Các vòng hoàn lưu khí quyển trên Trái Đất?

B. Bài tập.

Bài tập 1:

Đỉnh núi Phan-xi-pang ở Việt Nam cao 3143m và biết nhiệt độ ở chân núi vào ngày nắng nóng nhất là 30°C. Vậy nhiệt độ ở đỉnh núi là bao nhiêu?

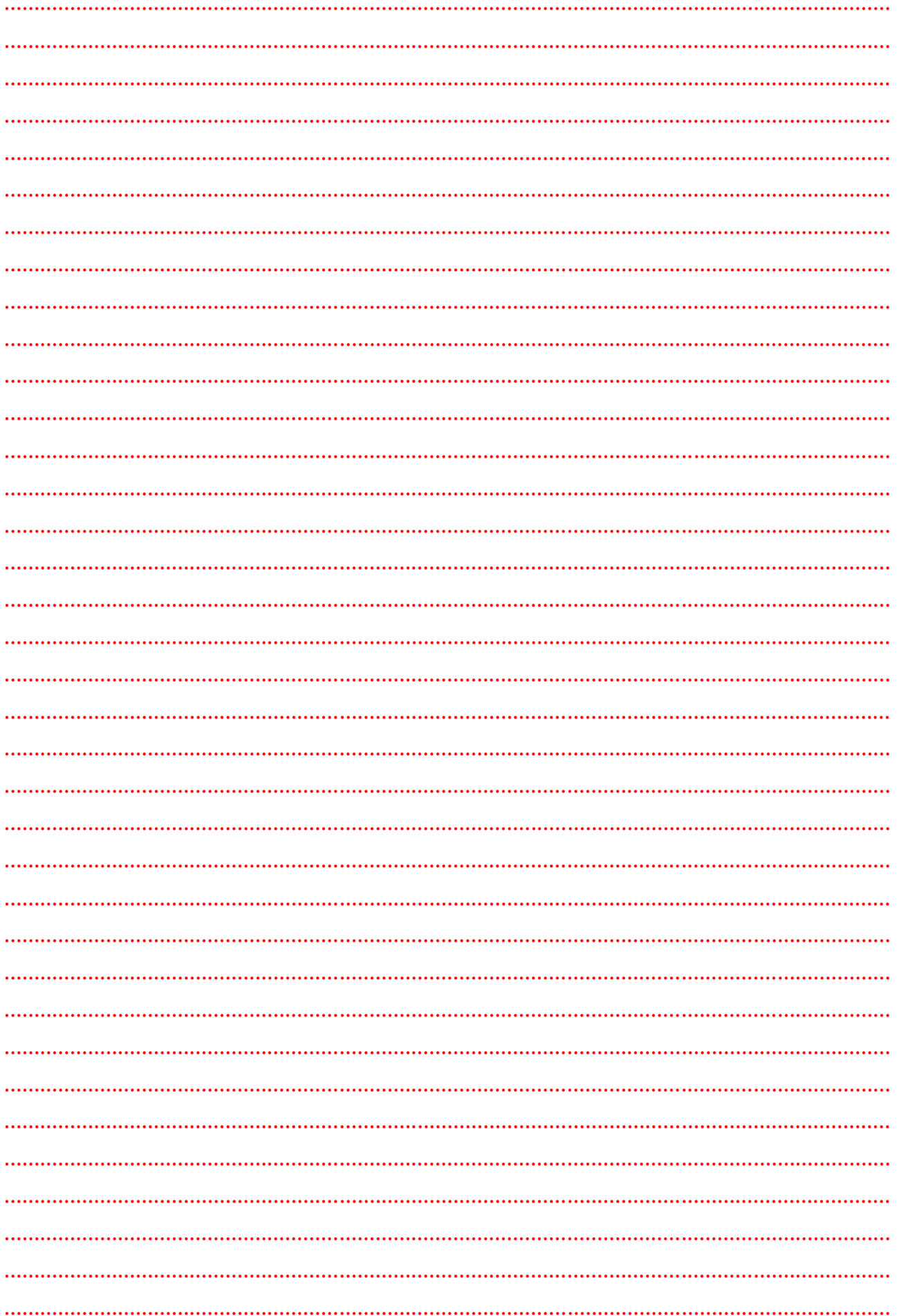
Bài tập 2:

Lượng mưa các tháng trong năm của TP HCM sau: lượng mưa (mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
TP.HCM	13,8	4,1	10,5	50,4	218,4	311,7	293,7	269,8	327	266,7	116,5	48,3

- a. Tính tổng lượng mưa trong năm của TP HCM. Nêu cách tính?
- b. Ở Sơn Tây, người ta đo nhiệt độ lúc 5h được 22°C , lúc 13h được 32°C , lúc 21h được 21°C . Hỏi nhiệt độ trung bình của ngày hôm đó là bao nhiêu? Hãy nêu cách tính?

This image shows a full page of white paper with horizontal red dotted lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page, providing a guide for handwriting practice. There are no margins, text, or other markings on the page.



BÀI 23: SÔNG VÀ HỒ

1. Sông và lượng nước trên sông.

a. Sông.

- Sông là dòng nước chảy

- Lưu vực sông là vùng đất đai

- Hệ thống sông: Dòng sông chính cùng

- Lưu lượng là lượng nước

2. Hồ.

- Hồ là khoảng

- Phân loại hồ:

+ Căn cứ vào tính chất của nước, hồ được phân thành hai loại: hồ nước mặn và hồ nước ngọt.

+ Căn cứ vào nguồn gốc hình thành có: Hồ vết tích của khúc sông, hồ miệng núi lửa, hồ nhân tạo,....

CÂU HỎI CÙNG CỘ

Câu 1: Đọc kĩ bài 23 trong sách giáo khoa và điền vào chỗ chấm chấm chấm (.....) để hoàn chỉnh nội dung bài?

Câu 2: Dựa vào tập bản đồ địa lí trang 10 và 11, em hãy kể tên một số sông, hồ lớn trên thế giới (kể ít nhất 5 hồ, 5 sông).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....